



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 33
8. Phụ lục	34 - 37

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 460300039 ngày 25 tháng 02 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	300.000.000.000 VND	
Trong đó:		
Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên)	155.472.580.000	51,82
Các cổ đông khác	144.527.420.000	48,18
Cộng	300.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 28 tháng 6 năm 2010 với mã chứng khoán là BCE.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 3 838 200
Fax : (84 – 650) 3 838 202
E-mail : beco@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 0 8 9 9 2

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Xây dựng các loại nhà ở;
- Xây dựng công trình giao thông;
- San lấp mặt bằng;
- Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp;
- Sản xuất và lắp đặt cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư và khu công nghiệp. Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng, kinh doanh bất động sản. Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế quy hoạch chi tiết;
- Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế công trình giao thông (cầu đường bộ). Thiết kế công trình điện trung hạ thế và biến áp từ 35KV trở xuống. Thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Lập dự án đầu tư; Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 33).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	2.152.007.569 VND
- Trích Quỹ dự phòng tài chính (2% lợi nhuận sau thuế)	860.803.028 VND
- Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (5% lợi nhuận sau thuế)	2.152.007.569 VND
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	2.367.208.326 VND
- Chia cổ tức cho cổ đông	6.000.000.000 VND
- Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	430.000.000 VND
Cộng	13.962.026.492 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đỗ Văn Minh	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Nguyễn Kim Tiên	Thành viên	27 tháng 4 năm 2007	-
Ông Lê Tuấn Dũ	Thành viên	25 tháng 02 năm 2002	-
Bà Hồ Minh Diễm Thủy	Thành viên	25 tháng 02 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	27 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quân Văn Viết Cương	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Bà Phạm Viết Yên	Thành viên	27 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kim Tiên	Tổng Giám đốc	12 tháng 12 năm 2002	-
Ông Lê Phan Minh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 01 năm 2006	-
Ông Lý Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	-
Ông Lê Văn Cọp	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 3 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Đỗ Văn Minh
Chủ tịch

Ngày 02 tháng 3 năm 2012





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist. 1, Ho Chi Minh City
Tel: (84 8) 38 272 295 Fax: (84 8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0103/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011, được lập ngày 09 tháng 02 năm 2012, từ trang 06 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Trần Hoàng Anh - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1161/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		632.177.773.399	383.037.022.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.866.818.284	31.755.005.299
1. Tiền	111		22.866.818.284	13.755.005.299
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	18.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		138.813.228.067	80.371.252.605
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	135.130.045.638	54.767.897.553
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.566.796.631	19.814.674.338
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.116.385.798	5.788.680.714
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		456.212.905.041	270.054.930.252
1. Hàng tồn kho	141	V.5	456.212.905.041	270.054.930.252
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.284.822.007	855.834.329
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.673.581.560	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.611.240.447	855.834.329
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.060.681.667	52.217.333.280
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.884.755.515	27.864.655.942
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	23.419.550.725	22.710.795.144
<i>Nguyên giá</i>	222		44.870.703.219	38.029.054.129
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(21.451.152.494)	(15.318.258.985)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	5.041.617.010	5.153.860.798
<i>Nguyên giá</i>	228		5.596.577.811	5.596.577.811
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(554.960.801)	(442.717.013)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		423.587.780	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	2.000.000.000	2.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.175.926.152	22.352.677.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	22.518.711.152	18.919.042.149
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.804.300.189
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.11	657.215.000	629.335.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		686.238.455.066	435.254.355.765

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		310.114.209.764	206.837.901.655
I. Nợ ngắn hạn	310		310.090.632.945	206.814.324.836
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	49.897.326.392	29.767.390.893
2. Phải trả người bán	312	V.13	199.922.929.179	85.288.134.664
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	32.882.267.791	41.495.963.550
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2.326.560.159	10.466.086.431
5. Phải trả người lao động	315	V.16	1.902.808.059	4.642.115.939
6. Chi phí phải trả	316	V.17	10.933.755.984	11.217.200.753
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	10.606.698.335	20.453.937.908
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	1.691.421.045
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	1.618.287.046	1.792.073.653
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		23.576.819	23.576.819
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	IV.11	23.576.819	23.576.819
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		376.124.245.302	228.416.454.110
I. Vốn chủ sở hữu	410		376.124.245.302	228.416.454.110
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	300.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.20	6.141.554.095	3.989.546.526
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.20	10.611.199.143	8.459.191.574
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	2.806.237.463	1.945.434.435
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	56.565.254.601	14.022.281.575
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		686.238.455.066	435.254.355.765

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài			-		-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-		-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-		-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-		-
5. Ngoại tệ các loại			-		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-		-

Bình Dương, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Hồ Minh Diễm Thúy
Người lập biểu

Nguyễn Tấn Thuận
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	605.890.234.455	627.678.606.736
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.052.511.341	331.383.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	603.837.723.114	627.347.223.100
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	526.408.773.773	569.244.046.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.428.949.341	58.103.177.049
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.121.198.155	1.938.628.804
7. Chi phí tài chính	22		4.174.881.481	472.137.818
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.174.881.481	472.137.818
8. Chi phí bán hàng	24		45.045.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	6.081.212.873	6.547.108.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69.249.008.142	53.022.559.096
11. Thu nhập khác	31	VI.6	3.251.638.032	4.410.281.439
12. Chi phí khác	32		215.108	47.101.742
13. Lợi nhuận khác	40		3.251.422.924	4.363.179.697
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.500.431.066	57.385.738.793
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	13.191.131.359	17.149.887.602
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		2.804.300.189	(2.804.300.189)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.504.999.518	43.040.151.380
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	1.931	2.152

Bình Dương, ngày 09 tháng 02 năm 2012


 Hồ Minh Diễm Thủy
 Người lập biểu


 Nguyễn Tấn Thuận
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Kim Tiên
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		72.500.431.066	57.385.738.793
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7; V.8	6.245.137.297	5.252.771.224
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.840.575.000)	(1.577.821.386)
- Chi phí lãi vay	06		4.174.881.481	472.137.818
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.079.874.844	61.532.826.449
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(66.197.381.580)	(33.459.227.532)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(186.157.974.789)	(55.831.673.101)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		110.247.049.046	(12.470.748.256)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.273.250.563)	3.221.927.005
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.174.881.481)	(311.065.072)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.15	(21.053.154.238)	(13.476.783.230)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.19; V.20	(2.998.874.933)	(2.273.179.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(94.528.593.694)	(53.067.922.737)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.265.236.870)	(1.241.731.401)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	48.571.429
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.840.575.000	1.556.543.612
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.424.661.870)	363.383.640

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.20	100.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	106.177.954.873	29.767.390.893
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12	(86.048.019.374)	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(25.064.866.950)	(17.323.823.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		95.065.068.549	12.443.567.643
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.888.187.015)	(40.260.971.454)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	31.755.005.299	72.015.976.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.866.818.284	31.755.005.299



Hồ Minh Diễm Thúy
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Thuận
Kế toán trưởng



Bình Dương, ngày 09 tháng 02 năm 2012

Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng các loại nhà ở; Xây dựng công trình giao thông; San lấp mặt bằng; Thi công điện dân dụng và điện công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư và khu công nghiệp; Môi giới bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản (trừ định giá bất động sản); Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng, thiết kế quy hoạch chi tiết; Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp. Thiết kế công trình giao thông (cầu đường bộ), thiết kế công trình điện trung hạ thế và biến áp từ 35KV trở xuống, thiết kế hệ thống điện chiếu sáng các công trình dân dụng và công nghiệp, giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 323 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 252 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	04

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (49 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhận (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	05%
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,...	02%
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	06%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD
31/12/2011: 20.828 VND/USD.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì: Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

448-C
CÔNG TY
V HỮU H
SẢN VÀ
VĂN
10 CHI

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phải sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	221.602.618	136.462.642
Tiền gửi ngân hàng	22.645.215.666	13.618.542.657
Các khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	26.866.818.284	31.755.005.299

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	121.236.088.716	24.796.243.123
Công ty TNHH SPG Vina	216.680.000	3.716.680.000
Công ty TNHH SEEGER Việt Nam	3.283.573.450	3.283.573.450
Các khách hàng khác	10.393.703.472	22.971.400.980
Cộng	135.130.045.638	54.767.897.553

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho tiền vật tư và dịch vụ khác	173.983.600	4.818.933.330
Trả trước cho các nhà thầu phụ	2.392.813.031	14.995.741.008
Cộng	2.566.796.631	19.814.674.338

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền đất còn phải thu lại khách hàng do đã ứng trước cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	798.410.140	5.404.764.400
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	-	281.949.567
Thuế GTGT đã nộp theo Biên bản kiểm toán nhà nước	229.779.870	-
Các khoản phải thu khác	88.195.788	101.966.747
Cộng	1.116.385.798	5.788.680.714

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	245.752.640	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	455.967.152.401	270.054.930.252
Cộng	456.212.905.041	270.054.930.252

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đồng phục, bảo hộ lao động	1.078.879.702	-
Công cụ, dụng cụ	306.840.767	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	287.861.091	-
Cộng	1.673.581.560	-

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	7.377.432.013	10.181.764.563	17.328.850.486	2.094.634.113	1.046.372.954	38.029.054.129
Mua sắm mới	-	6.708.124.546	-	133.524.544	-	6.841.649.090
Số cuối năm	7.377.432.013	16.889.889.109	17.328.850.486	2.228.158.657	1.046.372.954	44.870.703.219
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	279.065.237	1.748.006.651	849.561.191	528.391.552	3.405.024.631
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	1.375.788.809	3.456.788.077	8.587.161.761	1.331.088.274	567.432.064	15.318.258.985
Khấu hao trong năm	446.283.720	2.648.524.896	2.612.695.411	295.894.122	129.495.360	6.132.893.509
Số cuối năm	1.822.072.529	6.105.312.973	11.199.857.172	1.626.982.396	696.927.424	21.451.152.494
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	6.001.643.204	6.724.976.486	8.741.688.725	763.545.839	478.940.890	22.710.795.144
Số cuối năm	5.555.359.484	10.784.576.136	6.128.993.314	601.176.261	349.445.530	23.419.550.725
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	5.499.945.811	96.632.000	5.596.577.811
Số cuối kỳ	5.499.945.811	96.632.000	5.596.577.811
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	96.632.000	96.632.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	346.085.013	96.632.000	442.717.013
Khấu hao trong năm	112.243.788	-	112.243.788
Số cuối năm	458.328.801	96.632.000	554.960.801
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.153.860.798	-	5.153.860.798
Số cuối năm	5.041.617.010	-	5.041.617.010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Bình Dương có vốn điều lệ 70.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn là 2,86%.

10. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Tiền thuê đất	4.393.771.266	-	(99.669.672)	4.294.101.594
Công cụ, dụng cụ	14.525.270.883	12.705.479.344	(9.006.140.669)	18.224.609.558
Cộng	18.919.042.149	12.705.479.344	(9.105.810.341)	22.518.711.152

11. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Ký quỹ sử dụng điện cho công trình nhà ở công nhân Bàu Bàng	10.000.000	10.000.000
- Ký quỹ 10% giá trị nhà đã bán cho Chi nhánh Ngân hàng liên doanh VID Public Bình Dương	334.375.000	306.495.000
- Ký quỹ giai đoạn 1 thi công thành phố mới Bình Dương	312.840.000	312.840.000
Cộng	657.215.000	629.335.000

12. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng bảo lãnh thanh toán của Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay:

Số đầu năm	29.767.390.893
Số tiền vay phát sinh	106.177.954.873
Số tiền vay đã trả	(86.048.019.374)
Số cuối năm	49.897.326.392

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền vật tư và dịch vụ khác	157.277.078.979	62.200.156.022
Phải trả các nhà thầu phụ	42.645.850.200	23.087.978.642
Cộng	199.922.929.179	85.288.134.664

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước tiền thi công công trình	-	727.781.729
Khách hàng ứng trước tiền đặt dự án trung tâm thương mại Mỹ Phước II	12.543.267.795	-
Khách hàng ứng trước tiền mua căn hộ	20.338.999.996	40.768.181.821
Cộng	32.882.267.791	41.495.963.550

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	-	11.084.729.599	(11.314.509.469)	(229.779.870)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.181.516.404	13.191.131.359	(21.053.154.238)	2.319.493.525
Thuế thu nhập cá nhân	284.570.027	1.563.501.567	(1.841.004.960)	7.066.634
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	10.466.086.431	25.842.362.525	(34.211.668.667)	2.096.780.289

(*) Thuế GTGT đã nộp theo Biên bản kiểm toán nhà nước được trình bày ở chi tiêu phải thu khác.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	72.500.431.066	57.385.738.793
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	11.217.200.753
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.417.200.753)	(3.389.138)
Thu nhập tính thuế	61.083.230.313	68.599.550.408
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	15.270.807.578	17.149.887.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính	(2.079.676.219)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	13.191.131.359	17.149.887.602

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. **Phải trả người lao động**
Lương tháng 12 phải trả công nhân viên.

17. **Chi phí phải trả**
Trích trước chi phí công trình.

18. **Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.610.000.000	-
Cổ tức phải trả	98.347.800	19.163.214.750
Bảo hành 05% giữ lại phải trả các nhà thầu	2.620.765.493	1.127.054.954
Các khoản phải trả, phải nộp khác	277.585.042	163.668.204
Cộng	10.606.698.335	20.453.937.908

19. **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.760.618.526	2.012.127.077	(2.191.194.933)	1.581.550.670
Quỹ phúc lợi	31.455.127	355.081.249	(349.800.000)	36.736.376
Cộng	1.792.073.653	2.367.208.326	(2.540.994.933)	1.618.287.046

20. **Vốn chủ sở hữu**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 34.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức đợt 01 năm 2010 (15% mệnh giá trên vốn là 200.000.000.000 VND)	19.163.214.750
Trả cổ tức đợt 02 năm 2010 (2% mệnh giá trên vốn là 300.000.000.000 VND)	5.901.652.200
Cộng	25.064.866.950

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	605.890.234.455	627.678.606.736
- Doanh thu hoạt động xây dựng	501.860.759.353	559.609.212.910
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	98.081.818.193	65.822.727.280
- Doanh thu bán hàng hóa	5.765.838.727	2.246.666.546
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	181.818.182	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.052.511.341)	(331.383.636)
- Hàng bán bị trả lại	(2.052.511.341)	(331.383.636)
Doanh thu thuần	603.837.723.114	627.347.223.100
Trong đó:		
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	501.860.759.353	559.609.212.910
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	96.029.306.852	65.491.343.644
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	5.765.838.727	2.246.666.546
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	181.818.182	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động xây dựng	449.702.160.995	511.394.134.412
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	73.660.681.825	55.949.318.188
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	3.045.930.953	1.900.593.451
Cộng	526.408.773.773	569.244.046.051

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.640.575.000	1.576.043.612
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	280.623.155	362.585.192
Cổ tức, lợi nhuận được chia	200.000.000	-
Cộng	2.121.198.155	1.938.628.804

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.132.326.192	4.470.333.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.377.678	195.973.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.351.772	213.916.508
Chi phí khác	1.770.157.231	1.666.885.534
Cộng	6.081.212.873	6.547.108.939

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	48.571.429
Hoàn nhập dự phòng nợ phải trả	3.183.325.109	4.214.265.875
Thu nhập khác	68.312.923	147.444.135
Cộng	3.251.638.032	4.410.281.439

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.504.999.518	43.040.151.380
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.504.999.518	43.040.151.380
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	29.260.274	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.931	2.152

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	20.000.000	20.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 01 năm 2011	9.260.274	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.260.274	20.000.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	363.459.178.407	333.605.444.833
Chi phí nhân công	70.500.808.579	59.726.175.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.245.314.906	5.252.771.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	130.827.244.100	223.487.730.223
Chi phí khác	147.365.227.424	8.663.852.936
Cộng	718.397.773.416	630.735.975.068

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.583.000.700	1.174.800.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	26.835.206	13.204.954
Tiền thưởng	395.035.400	210.000.000
Cộng	2.004.871.306	1.398.004.954

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện phần vốn nhà nước
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty cùng Tập đoàn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên		
Xây dựng công trình	485.551.112.919	545.032.652.451
Ứng trước tiền đất trung tâm thương mại Mỹ Phước II	29.400.228.000	-
Tiền thuê đất	60.000.000	60.000.000
Phí xử lý nước thải	11.023.368	10.018.866
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương		
Mua nguyên vật liệu	81.263.285.530	18.639.060.175

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Mua công, bê tông nhựa nóng	7.473.157.313	3.312.490.345
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Mua bê tông tươi	78.730.275.800	73.362.018.000
Phí vận chuyển	-	274.032.108
Thử mẫu bê tông	47.082.000	48.560.000
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	6.189.452.647	12.691.266.400
<i>Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương</i>		
Giới thiệu thông tin	-	232.000.000
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	692.751.224
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Tiền thuê đất, phí dịch vụ	798.410.140	5.578.370.732
Phải thu tiền xây dựng công trình	121.236.088.716	24.796.243.123
Cộng nợ phải thu	122.034.498.856	30.374.613.855
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Phí quản lý và xử lý nước thải	5.649.394.100	
<i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	42.855.701.268	2.382.780.065
<i>Công ty cổ phần phát triển đô thị</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	29.935.759.500	13.858.246.808
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Mua công, bê tông nhựa nóng	7.521.246.169	191.180.000
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	3.809.721.895	3.720.269.248
<i>Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương</i>		
Giới thiệu thông tin	232.000.000	232.000.000
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	392.751.224
Cộng nợ phải trả	90.003.822.932	20.777.227.345

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài ra, Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải – Chi nhánh Bình Dương.

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực hàng hóa: vật liệu giao thông.
- Lĩnh vực bất động sản: các dự án nhà ở.
- Lĩnh vực xây dựng: xây dựng các công trình giao thông, xây lắp.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 34 đến trang 36.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.866.818.284	31.755.005.299	26.866.818.284	31.755.005.299
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	135.130.045.638	54.767.897.553	135.130.045.638	54.767.897.553
Các khoản phải thu khác	1.543.820.928	6.418.015.714	1.543.820.928	6.418.015.714
Cộng	165.540.684.850	94.940.918.566	165.540.684.850	94.940.918.566
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	199.922.929.179	85.288.134.664	199.922.929.179	85.288.134.664
Vay và nợ	49.897.326.392	29.767.390.893	49.897.326.392	29.767.390.893
Phải trả người lao động	1.902.808.059	4.642.115.939	1.902.808.059	4.642.115.939
Chi phí phải trả	10.933.755.984	11.217.200.753	10.933.755.984	11.217.200.753
Các khoản phải trả khác	10.630.275.154	22.168.935.772	10.630.275.154	22.168.935.772
Cộng	273.287.094.768	153.083.778.021	273.287.094.768	153.083.778.021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không thế chấp tài sản đảm bảo nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Đối với hoạt động xây dựng, Công ty thực hiện các công trình chủ yếu cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên (Công ty mẹ) nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	199.922.929.179	-	-	199.922.929.179
Vay và nợ	49.897.326.392	-	-	49.897.326.392
Phải trả người lao động	1.902.808.059	-	-	1.902.808.059
Chi phí phải trả	10.933.755.984	-	-	10.933.755.984
Các khoản phải trả khác	10.606.698.335	23.576.819	-	10.630.275.154
Cộng	273.263.517.949	23.576.819	-	273.287.094.768

Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	85.288.134.664	-	-	85.288.134.664
Vay và nợ	29.767.390.893	-	-	29.767.390.893
Phải trả người lao động	4.642.115.939	-	-	4.642.115.939
Chi phí phải trả	11.217.200.753	-	-	11.217.200.753
Các khoản phải trả khác	22.145.358.953	23.576.819	-	22.168.935.772
Cộng	153.060.201.202	23.576.819	-	153.083.778.021

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Dương, ngày 09 tháng 02 năm 2012



Hồ Minh Diễm Thúy
Người lập biểu



Nguyễn Tấn Thuận
Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Tiên
Tổng Giám đốc

1/3
CÔNG TY
BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	2.258.232.074	3.608.232.074	1.252.626.854	16.680.507.270	223.799.598.272
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	43.040.151.380	43.040.151.380
Trích lập các quỹ trong năm	-	1.731.314.452	4.850.959.500	692.807.581	(9.352.377.075)	(2.077.295.542)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	3.989.546.526	8.459.191.574	1.945.434.435	(346.000.000)	(346.000.000)
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	3.989.546.526	8.459.191.574	1.945.434.435	14.022.281.575	228.762.454.110
Phát hành cổ phiếu trong năm	100.000.000.000	-	-	-	-	100.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	56.504.999.518	56.504.999.518
Trích lập các quỹ trong năm	-	2.152.007.569	2.152.007.569	860.803.028	(7.532.026.492)	(2.367.208.326)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	300.000.000.000	6.141.554.095	10.611.199.143	2.806.237.463	56.565.254.601	376.124.245.302
					(430.000.000)	(430.000.000)

Bình Dương, ngày 09 tháng 02 năm 2012



Handwritten signature

Hồ Minh Diễm Thủy
 Người lập biểu

Handwritten signature

Nguyễn Tấn Thuận
 Kế toán trưởng



Nguyễn Kim Tiên
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, Khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.947.656.909	96.029.306.852	501.860.759.353	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.947.656.909	96.029.306.852	501.860.759.353	-
Chi phí bộ phận	(3.045.930.953)	(73.660.681.825)	(449.702.160.995)	(526.408.773.773)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.901.725.956	22.368.625.027	52.158.598.358	77.428.949.341
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(6.126.257.873)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				71.302.691.468
Doanh thu hoạt động tài chính				2.121.198.155
Chi phí tài chính				(4.174.881.481)
Thu nhập khác				3.251.638.032
Chi phí khác				(215.108)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.191.131.359)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(2.804.300.189)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				56.504.999.518

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	-	-	19.547.128.434	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	146.580.919	2.470.354.851	12.734.011.868	-

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm trước	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản lợi trừ	Đơn vị tính: VND Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.246.666.546	65.491.343.644	559.609.212.910	-	627.347.223.100
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.246.666.546	65.491.343.644	559.609.212.910	-	627.347.223.100
Chi phí bộ phận	1.900.593.451	55.949.318.188	511.394.134.412		569.244.046.051
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	346.073.095	9.542.025.456	48.215.078.498		58.103.177.049
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(6.547.108.939)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					51.556.068.110
Doanh thu hoạt động tài chính					1.938.628.804
Chi phí tài chính					(472.137.818)
Thu nhập khác					4.410.281.439
Chi phí khác					(47.101.742)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(17.149.887.602)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					2.804.300.189
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					43.040.151.380

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

	-	-	5.603.021.222	-	5.603.021.222
	-	195.973.236	12.220.689.551	-	12.416.662.787

Handwritten signature

Hồ Minh Diễm Thủy
Người lập biểu

Handwritten signature

Nguyễn Tấn Thuận
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: đường Lê Thị Trung, khu phố 4, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:					Đơn vị tính: VND
Số cuối kỳ	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực bất động sản	Lĩnh vực xây dựng	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	232.776.284	66.156.743.873	582.370.876.178	-	648.760.396.335
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng tài sản					37.478.058.731
	2.403.616.955	81.000.860.872	222.741.307.913	-	686.238.455.066
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	306.145.785.740
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					3.968.424.024
	-	12.133.446.662	380.944.694.315	-	310.114.209.764
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	393.078.140.977
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					42.176.214.788
	-	81.536.363.642	11.659.065.638	-	435.254.355.765
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận					
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	93.195.429.280
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả					113.642.472.375
	-	-	-	-	206.837.901.655



(Signature)
 Nguyễn Tấn Thuận
 Kế toán trưởng



(Signature)
 Hồ Minh Diễm Thủy
 Người lập biểu